

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày 02/11/2018

*“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh

2. Ông Đinh Công Thê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cum'Gar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2018/TLST – HNGĐ,
ngày 19 tháng 7 năm 2018 về *“Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp
nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐST-HNGĐ, ngày
08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H W, sinh năm 1977 - *Có mặt*

Trú tại: Buôn Eap, xã EaS, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh Y K, sinh năm 1973 - *Có mặt*

Trú tại: Buôn EaM, thị trấn EaP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa,
nguyên đơn chị H W trình bày:*

Chị H W và anh Y K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 có tổ
chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy
định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ

chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2011 đến nay anh Y K bỏ về gia đình bố mẹ tại buôn Ea M, thị trấn EaP, huyện C sinh sống. Nay chị H W yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ giữa chị H W và anh Y K là vợ chồng.

Về con chung: Chị H W anh Y K có 03 con chung là cháu Y Đ1, sinh ngày 27/3/1999; cháu Y Đ2, sinh ngày 08/9/2000 và cháu Y Đ3, sinh ngày 02/12/2002, từ khi vợ chồng không chung sống đến nay một mình chị H W nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu, hiện nay các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện cháu Y Đ3 chưa đủ 18 tuổi nên chị H W mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành, chị H W không yêu cầu anh Y K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Y K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh Y K đồng ý với lời khai của chị H W.

Về mâu thuẫn gia đình anh Y K nhận thấy giữa anh và chị H W không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nên vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm không còn nên đề nghị tuyên bố không công nhận anh Y K và chị H W là vợ chồng. Anh Y K đồng ý giao cháu Y Đ3, sinh ngày 02/12/2002 cho chị H W trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H W.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị H W và anh Y K là vợ chồng.

Về con chung: Căn cứ khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 17, Điều 92, 93, 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, công nhận thỏa thuận giữa chị H W và anh Y K: Giao cháu Y Đ3, sinh ngày 02/12/2002 cho chị H W trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Y K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H W và anh Y K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, hơn nữa anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy chị H W đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Y K là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H W và anh Y K có 03 con chung là Y Đ1, sinh ngày 27/3/1999; cháu Y Đ2, sinh ngày 08/9/2000 và cháu Y Đ3, sinh ngày 02/12/2002. Hiện nay Y Đ1 và Y Đ2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, riêng cháu Y Đ3 dưới 18 tuổi đang đi học, trên cơ sở nguyện vọng của cháu và sự thỏa thuận của chị H W và anh Y K giao con chung là Y Đ3 cho chị H W nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H W không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị H W phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 17, Điều 87, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị H W và anh Y K là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H W và anh Y K về con chung như sau:

Giao cháu Y Đ3, sinh ngày 02/12/2002 cho chị H W trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh Y K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị H W phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006720 ngày 17/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã EaSin & thị trấn EaPók;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu